

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ và đề nghị của Công ty TNHH MTV chăn nuôi Trung Nhân Huy tại Văn bản số 01 ngày 07 tháng 9 năm 2023 về việc đề nghị thẩm định báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường và Văn bản số 02/CV-GPMT/2023 ngày 20 tháng 12 năm 2023 về việc giải trình nội dung chỉnh sửa, bổ sung và đề nghị trình phê duyệt báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường Dự án Trang trại chăn nuôi heo theo mô hình trại lạnh khép kín, quy mô 3.000 con heo/lứa, đặt tại ấp Cầu Trường, xã Hảo Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 8973/TTr-STNMT ngày 29 tháng 12 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH MTV chăn nuôi Trung Nhân Huy, địa chỉ tại ấp Cầu Trường, xã Hảo Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Trang trại chăn nuôi heo theo mô hình trại lạnh khép kín, quy mô 3.000 con heo/lứa, đặt tại ấp Cầu Trường, xã Hảo Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án đầu tư:

1.1. Tên Dự án: Trang trại chăn nuôi heo theo mô hình trại lạnh khép kín, quy mô 3.000 con heo/lứa.

1.2. Địa điểm thực hiện Dự án: ấp Cầu Trường, xã Hảo Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

1.3. Ủy ban nhân dân tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1075/QĐ-UBND ngày 18/5/2021.

1.4. Mã số thuế: 3901312754

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: chăn nuôi heo theo mô hình trại lạnh khép kín.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án có tiêu chí về môi trường nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Tổng diện tích mặt đất sử dụng: 13.849,5 m².

- Quy mô, công suất: 3.000 con heo thịt/lứa.

- Sản phẩm dịch vụ cung cấp: heo thịt.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH MTV chăn nuôi Trung Nhân Huy:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH MTV chăn nuôi Trung Nhân Huy có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Công khai Giấy phép môi trường của Dự án đã được cấp phép tại trụ sở UBND xã Hào Đức, thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.4. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.5. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.6. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy

định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm**, kể từ ngày ký.

Quyết định số 3304/QĐ-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án của Công ty hết hiệu lực kể từ ngày ký Giấy phép này.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì phối hợp với UBND huyện Châu Thành tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. /s/

Nơi nhận: *Kai*

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Châu Thành;
- UBND xã Hào Đức;
- Cty TNHH MTV chăn nuôi Trung Nhân Huy;
- LĐVP, CVK;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

/z

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH,



Trần Văn Chiến

Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 114/GPMT-UBND
ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:**1. Nguồn phát sinh nước thải:**

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân viên, lưu lượng 1,2 m³/ngày.đêm;
- Nguồn số 02: nước thải phát sinh từ quá trình vệ sinh chuồng trại, tắm rửa heo lưu lượng 39 m³/ngày.đêm;
- Nguồn số 03: nước tiểu heo lưu lượng 6,3 m³/ngày.đêm;
- Nguồn số 04: nước thải phát sinh từ quá trình phun sát trùng xe lưu lượng 01 m³/ngày.đêm;
- Nguồn số 05: nước thải phát sinh từ quá trình sát trùng công nhân lưu lượng 0,005 m³/ngày.đêm;
- Nguồn số 06: nước thải phát sinh từ quá trình rửa dụng cụ, thiết bị lưu lượng 2 m³/ngày.đêm;
- Nguồn số 07: nước thải phát sinh từ hệ thống phun sương sau quạt hút, lưu lượng 1,5 m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 08: nước rỉ từ hố chôn lấp xác heo chết lưu lượng 0,009 m³/ngày.đêm.
- Nguồn số 09: nước phát sinh từ quá trình ép phân, với lưu lượng khoảng 1,2m³/ngày

Tổng lưu lượng nước thải phát sinh tại Dự án là: 52,214 m³/ngày. đêm.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:**2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận:**

Có 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý từ các nguồn số 01, 02, 03, 04, 05, 06, 07, 08 và 09 đạt quy chuẩn quy định xả vào nguồn tiếp nhận

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Nước thải sau hệ thống xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi – QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột A, hệ số K_q=0,9 và K_f=1,2 theo đường ống PVC Φ = 114mm, đặt cách mặt đất 0,5m, dài khoảng 100m ra kênh

tiêu T13C thuộc ấp Sân Lẽ, xã Hảo Đức, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh.

2.3. Vị trí xả nước thải:

- Sau hệ thống xử lý nước thải của Dự án có công suất thiết kế 60 m³/ngày. đêm.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: X = 1257705; Y= 554259 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiều 3⁰).

- Điểm xả nước thải: công bê tông có khẩu độ 70 cm (điểm xả nước thải phải có biển báo, có sàn công tác diện tích tối thiểu là 01 m² và có lối đi để thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải).

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 52,214 m³/ngày đêm.

2.4.1. Phương thức xả nước thải: Tự chảy

2.4.2. Chế độ xả nước thải: liên tục.

2.4.3. Chất lượng nước thải khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi – QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột A, hệ số K_q=0,9 và K_f=1,2 cụ thể như sau:

TT	Tên chất	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6-9	03 tháng/lần
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	36	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	45	
4	COD	mg/l	90	
5	Tổng N	mg/l	45	
6	Tổng Coliform	mg/l	3.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nước thải từ quá trình sinh hoạt (nguồn số 1) được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn (01 bể với thể tích 9 m³; kích thước 2 m x 3 m x 2 m), sau đó theo đường ống PVC Φ = 60 mm, dài khoảng 74 m chảy về hệ thống xử lý nước thải công suất 60 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải phát sinh từ hoạt động chăn nuôi từ nguồn số 2 đến nguồn số 9 theo

đường mương bê tông cốt thép kích thước $D \times R \times C = 40 \text{ m} \times 0,8 \text{ m} \times 0,5 \text{ m}$ dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất $60 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1 Tóm tắt quy trình xử lý nước thải

Nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án \rightarrow Hồ tách phân \rightarrow Hàm Biogas (2 hàm) \rightarrow Bể điều hòa \rightarrow Bể sinh học thiếu khí \rightarrow Bể sinh học hiếu khí \rightarrow Bể lắng sinh học \rightarrow Cụm bể keo tụ, tạo bông \rightarrow Bể lắng hóa lý \rightarrow ao sinh học.

- Hóa chất sử dụng: PAC, Polymer, Chlorine

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- 01 bể tự hoại, kích thước: $10\text{m} \times 5\text{m} \times 3\text{m}$, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép.
- 02 hàm Biogas, kích thước: $30\text{m} \times 10\text{m} \times 2\text{m}$ lót bạt chống thấm HDPE.
- 01 bể tách phân, kích thước $12\text{m} \times 6\text{m} \times 2\text{m}$ lót bạt chống thấm HFPE
- 01 bể sinh học thiếu khí, kích thước $4,45\text{m} \times 4,25\text{m} \times 3,6\text{m}$, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép
- 01 bể sinh học hiếu khí, kích thước $14,1\text{m} \times 4,25\text{m} \times 3,05\text{m}$, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép
- 01 bể lắng sinh học, kích thước $4,45\text{m} \times 4,25\text{m} \times 3,6\text{m}$, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép
- 01 cụm bể keo tụ, tạo bông, kích thước $1\text{m} \times 4,25\text{m} \times 3,6\text{m}$, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép.
- 01 bể lắng hóa lý, kích thước $4\text{m} \times 4,25\text{m} \times 3,6\text{m}$, kết cấu vật liệu bê tông cốt thép

- 01 ao sinh học, kích thước $40\text{m} \times 18\text{m} \times 3\text{m}$, lót bạt chống thấm HDPE

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tổ chức kiểm tra định kỳ và ghi nhận tình trạng hoạt động của hệ thống vào sổ nhật ký vận hành hệ thống mỗi ngày.
- Trang bị các thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố.
- Đào tạo đầy đủ các kiến thức về lý thuyết vận hành hệ thống xử lý nước thải, bảo trì và bảo dưỡng thiết bị, cách xử lý các sự cố cho nhân viên vận hành hệ thống.
- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố hoặc chất lượng nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định phải ngừng ngay việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận để thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Sáu (06) tháng kể từ ngày có giấy phép môi trường.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý nước thải công suất 60 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Một (01) điểm tại đầu vào bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tại Dự án có công suất 60 m³/ngày.đêm.

- Một (01) điểm tại đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải tại Dự án có công suất 60 m³/ngày.đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm Chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải và đánh giá hiệu quả xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải đảm bảo xử lý đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi – QCVN 62 – MT:2016/BTNMT, cột A, hệ số $K_q=0,9$ và $K_f=1,2$.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý theo quy định tại khoản 5 Điều 21 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả ra môi trường.

3.2. Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để vận hành hệ thống xử lý nước thải hiệu quả, công trình thu gom, xử lý nước thải đạt chuẩn quy định.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.5. Trước khi kết thúc vận hành thử nghiệm 45 ngày Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Trung Nhân Huy phải gửi báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm đến Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định.

3.6. Thực hiện công khai thông tin kết quả quan trắc nước thải của Dự án theo quy định tại khoản 2 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

3.7. Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu vào, đầu ra hệ thống xử lý nước thải

3.8. Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Trung Nhân Huy chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ quá trình hoạt động của Dự án đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột A với hệ số $K_q=0,9$, $K_f=1,0$ trước khi xả thải ra môi trường; chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 2**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số M.Ư./GPMT-UBND
ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải, bụi:**

- Nguồn số 01 – chuồng số 01, khí thải từ 7 quạt hút của chuồng nuôi số 01, lưu lượng tối đa 390.600 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút, lưu lượng mỗi quạt hút là 55.800 m³/giờ/quạt hút);
- Nguồn số 02 – chuồng số 02, khí thải từ 7 quạt hút của chuồng nuôi số 02, lưu lượng tối đa 390.600 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút, lưu lượng mỗi quạt hút là 55.800 m³/giờ/quạt hút);
- Nguồn số 03 – chuồng số 03, khí thải từ 7 quạt hút của chuồng nuôi số 03, lưu lượng tối đa 390.600 m³/giờ (Căn cứ thông số kỹ thuật của quạt hút, lưu lượng mỗi quạt hút là 55.800 m³/giờ/quạt hút);
- Nguồn số 4: Bụi, khí thải từ hoạt động của hệ thống máy phát điện dự phòng có công suất 180 KVA, sử dụng dầu DO để chạy máy phát điện. Nguồn này phát thải khi vận hành máy phát điện dự phòng để cấp điện tạm thời khi có sự cố mất điện. Lưu lượng bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động máy phát điện dự phòng là 452,8 m³/giờ;

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**2.1. Vị trí xả khí thải, bụi**

- Nguồn khí thải số 01: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng nuôi số 01; tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1257 684 ; Y= 554 242;
- Nguồn khí thải số 02: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng nuôi số 02; tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1257 662; Y= 554 149;
- Nguồn khí thải số 03: tương ứng với nguồn khí thải phía sau các quạt hút của chuồng nuôi số 03; tọa độ vị trí xả khí thải: X= 1257 642; Y= 554 145;
- Nguồn khí thải số 04: tương ứng với dòng khí thải từ máy phát điện dự phòng của Dự án thoát ra bằng ống khói xả khí thải; tọa độ vị trí xả thải: X= 1257 682; Y= 554 152;

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰30' múi chiếu 3⁰)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Nguồn khí thải từ số 01 đến số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 55.800 m³/giờ.

- Nguồn khí thải từ số 04: lưu lượng xả khí khá lớn nhất 452,8 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải, bụi:

- Nguồn khí thải số 01 đến số 03: khí thải, bụi xả cưỡng bức thông qua hệ thống xử lý (mỗi chuồng có 07 quạt hút) xả liên tục khi hoạt động.

- Nguồn khí thải số 04: xả ra môi trường qua ống khói, xả gián đoạn, chỉ xả thải khi vận hành máy phát điện dự phòng.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với bụi, khí thải, cụ thể như sau:

- Nguồn khí thải số 01 đến số 03 đạt QCVN 06:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh – QCVN 05:2023/BTNMT.

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	H ₂ S	µg/m ³	42	04 lần/năm	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	NH ₃	µg/m ³	200		
3	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/m ³	200		

- Nguồn khí thải số 04 đạt QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, hệ số Kv = 1,0; Kp = 1,0.

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng	m ³ /giờ	$P \leq 200.000$	Không	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2 Điều 98 Nghị
2	Bụi	mg/Nm ³	200		

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
3	SO ₂	mg/Nm ³	500		định số 08/2022/NĐ-CP
4	NO _x	mg/Nm ³	850		
5	CO	mg/Nm ³	1.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn khí thải từ số 01 đến số 03: khí thải từ các chuồng chăn nuôi xả khí thải ra môi trường thông qua 21 quạt hút của 03 chuồng nuôi (mỗi chuồng có 07 quạt hút).

- Nguồn khí thải số 04: khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu dầu DO để vận hành 01 máy phát điện, công suất 180 KVA khi có sự cố mất điện được thu gom thoát ra môi trường theo đường ống Ø 90mm cao 3m, độ dày 2mm bằng inox.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Khí thải từ các chuồng nuôi: khí thải → quạt hút → hệ thống phun sương (nước và chế phẩm sinh học) → lớp lưới lan → không khí sạch thoát ra môi trường.

- Khí thải từ máy phát điện dự phòng thu gom về ống thải của máy phát điện, xả trực tiếp ra môi trường (máy phát điện dự phòng chỉ vận hành khi có sự cố mất điện).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đào tạo các kiến thức về nguyên lý và hướng dẫn vận hành an toàn các hệ thống điện, hệ thống quạt hút thoát khí thải cho nhân viên vận hành.

- Hướng dẫn bảo trì, bảo dưỡng máy phát điện, hướng dẫn cách xử lý các sự cố đơn giản.

- Trường hợp sự cố mất lưới điện, Dự án phải tiến hành vận hành máy phát điện dự phòng để cung cấp điện tạm thời giúp duy trì hoạt động quạt hút và các thiết bị điện khác của trang trại.

- Khi xảy ra sự cố ngừng hoạt động quạt hút bị sự cố, tìm nguyên nhân khắc phục sự cố kịp thời.

- Đối với sự cố lớn, thông báo cho cơ quan có chức năng về môi trường các sự cố để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để giám sát vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Chủ Dự án hoàn toàn chịu trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không bảo đảm các yêu cầu tại Giấy phép này môi trường.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số *M.Ư./GPMT-UBND*
ngày *15* tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nguồn số 01: phát sinh từ quá trình hoạt động của chuồng số 01;
- Nguồn số 02: phát sinh từ quá trình hoạt động của chuồng số 02;
- Nguồn số 03: phát sinh từ quá trình hoạt động của chuồng số 03;
- Nguồn số 04: phát sinh từ quá trình hoạt động của máy phát điện dự phòng công suất 180 KVA.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: X= 1257 657; Y= 554 195;
- Nguồn số 02: X= 1257 619; Y= 554 179;
- Nguồn số 03: X= 1257 779; Y= 554 160;
- Nguồn số 04: X= 1257 682; Y= 554 152.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$ múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn – QCVN 26:2010/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về độ rung - QCVN 27:2010/ BTNMT, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép,		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: áp dụng các biện pháp quy hoạch, xây dựng chống tiếng ồn; bố trí khoảng cách, trồng cây xanh theo hướng gió thịnh hành; các máy móc thiết bị phục vụ chăn nuôi được bảo trì bảo dưỡng định kỳ (tra dầu, mỡ, vệ sinh), thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: bọc lót các bề mặt thiết bị chịu rung dao động bằng các thiết bị hút hoặc giảm rung động có ma sát lớn như cao su, vòng phốt.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 114/GPMT-UBND
ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Loại chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất) thải ^(TT)	2	08 02 01
2	Hộp chứa mực in (loại có thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải ^(KS)	3	08 02 04
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải ^(NH)	10	16 01 06
4	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác ^(NH)	15	17 02 04
5	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải ^(KS)	5	18 01 02
6	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải ^(KS)	7	18 01 03
7	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại ^(KS)	20	18 02 01
8	Ắc quy chì thải ^(NH)	3	19 06 01
9	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại hữu cơ ^(KS)	2	19 12 02
Tổng số lượng		67	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Loại chất thải	Mã chất thải	Khối lượng chất thải phát sinh
1	Phân heo ^(TT)	14 01 12	3.780 kg/ngày
2	Bao bì đựng thức ăn chăn nuôi ^(KS)	14 01 05	9,6 kg/ngày

3	Xác heo chết không do dịch bệnh ^(TT)	13 02 04	12 kg/ngày
4	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải (<i>Bùn thải từ hệ thống Biogas</i>) ^(TT)	14 03 04	21 kg/ngày

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Loại chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân viên	1,5

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Trang bị thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín, đảm bảo điều kiện kín, kín khí đối với các thiết bị lưu chất thải nguy hại ở dạng lỏng.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 25 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: kho được xây tường gạch bao quanh, mái che bằng tôn, nền bê tông, có khay hứng chất thải lỏng rơi vãi, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.1.3. Biện pháp xử lý: Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Bao bì

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 35 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Xây dựng kho chứa có kết cấu tường gạch bao quanh, mái lợp tôn, nền bê tông đảm bảo kín khí, không bị thấm thấu, bố trí gờ chắn trách nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

2.2.3. Biện pháp xử lý: Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa có nắp đậy
- Khu vực lưu chứa: Bố trí các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt tại các khu vực có phát sinh đảm bảo hợp vệ sinh.
- Biện pháp xử lý: Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu vực chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Thiết kế đúng quy định khu vực lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng. Lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành Dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố dịch bệnh xảy ra trên diện tích rộng:

- Thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh tuân thủ theo QCVN 01-41:2011/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu xử lý vệ sinh đối với việc tiêu hủy động vật và sản phẩm động vật; QCVN 01-79:2011/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm – quy trình kiểm tra, đánh giá điều kiện vệ sinh thú y và QCVN 01-99:2012/BNNPTNT về điều kiện vệ sinh thú y khu cách ly kiểm dịch động vật và sản phẩm động vật.

- Bố trí khu đất dự phòng ở vị trí thích hợp để khi có dịch bệnh xảy ra trên diện rộng, không thể di chuyển xác heo chết do dịch bệnh đến nơi tiêu hủy, Chủ Dự án bố trí các hố chôn tại khu đất dự phòng để chôn lấp, tiêu hủy xác heo chết do dịch bệnh tại Dự án.

3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số *M/4/GPMT-UBND*
ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

Không có

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Thiết kế xây dựng hệ thống thu gom nước mưa tách riêng biệt hệ thống thu gom nước thải; nước thải sinh hoạt, nước thải chăn nuôi được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án có công suất 60 m³/ngày.đêm để xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT cột A (hệ số $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,2$).
2. Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2023/BTNMT, đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.
3. Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
4. Giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả chăn nuôi.
5. Thường xuyên theo dõi chất lượng nước thải của Dự án sau xử lý để kiểm soát chất lượng nước thải từ quá trình hoạt động của Dự án theo đúng quy định.
6. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.
7. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất.
8. Bố trí diện tích đất để trồng cây xanh trong khuôn viên đất của Dự án theo đúng tỷ lệ quy định của pháp luật./.